



CK.0000064144

ƯƠNG VĂN SÁU

Hệ thống di tích
NHỜ HỌC VIỆT NAM
VÀ CÁC VĂN MIẾU TIÊU BIỂU
Ở BẮC BỘ

UYÊN
LIỆU

ic
PUBLISHER

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

TS. DƯƠNG VĂN SÁU

Hệ thống di tích
NHỜ HỌC VIỆT NAM
VÀ CÁC VĂN MIẾU TIÊU BIỂU
Ở BẮC BỘ

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

LỜI NÓI ĐẦU

Việt Nam là một quốc gia văn hiến có lịch sử phát triển mấy nghìn năm rục rờ; ngay từ thế kỷ XV, sau khi đánh đuổi quân Minh, giành lại độc lập cho đất nước, danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Trãi đã khẳng định trong “*Bình Ngô đại cáo*”:
唯, 我大越之國, 實為文獻之邦... *Duy, ngã Đại Việt chi quốc, thực vi văn hiến chi bang...*: Như nước Đại Việt ta, thực là một nước văn hiến.... Một trong những nhân tố đặc biệt quan trọng góp phần làm nên văn hiến Việt Nam chính là Nho giáo, Nho học; và chính những di tích nho học là một phần bộ mặt của nền văn hiến đó.

Với truyền thống “tôn sư trọng đạo”, trọng người hiền tài; hơn 500 năm về trước, vâng mệnh vua Lê Thánh Tông - vị minh quân “võ công văn trị” nổi tiếng trong lịch sử dân tộc; Thân Nhân Trung - Hàn lâm viện Thừa chỉ, Đông các Đại học sĩ, Quốc tử giám Tế tửu, Lễ bộ Thượng thư, Lại bộ Thượng thư, đã viết: “Hiền tài là nguyên khí quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi xuống thấp. Vì vậy các đấng Thánh đế, minh vương chẳng ai không lấy việc bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí làm việc đầu tiên. Kẻ sĩ quan hệ với quốc gia trọng

đại như thế, cho nên quý trọng kẻ sĩ không biết thế nào là cùng...”⁽¹⁾.

Thực tế cho thấy, với bất cứ một quốc gia, dân tộc nào muốn phát triển đều phải chú trọng đến việc đào tạo, bồi dưỡng nhân lực - nhân tài cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong quá trình Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa nước nhà, sự nghiệp giáo dục - đào tạo càng có vai trò to lớn hơn bao giờ hết. Việc nghiên cứu, tìm hiểu truyền thống và kinh nghiệm của cha ông là một động thái quan trọng cho tiến trình hội nhập và phát triển hiện nay. Trong lịch sử dân tộc, tầng lớp Nho sĩ Việt Nam đã góp phần to lớn của mình trong sự nghiệp củng cố và phát triển đất nước. Công lao to lớn của họ đã được đất nước và nhân dân trân trọng, tôn vinh. Các nhà nước phong kiến Việt Nam đã luôn dành cho họ vị trí xứng đáng trong xã hội; thể hiện bằng việc sử dụng, bổ nhiệm những người có tài, có trình độ học vấn đã đỗ đạt vào các vị trí trong bộ máy chính quyền phong kiến từ Trung ương đến địa phương. Việc tưởng nhớ, ghi công ông tổ nho học và các hiền triết - danh nho ở bất kỳ triều đại nào cũng là mối quan tâm của chính quyền phong kiến các cấp cũng như đông đảo các tầng lớp nhân dân. Từ đó đã ra đời hệ thống di tích thờ tự danh nho trên khắp miền đất nước.

Vùng đồng bằng Bắc Bộ, mảnh đất gốc, cái nôi của văn minh Việt, nơi đã tiếp nhận sớm nhất sự du nhập và ảnh hưởng

⁽¹⁾ Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử - văn hóa Việt Nam, Bảo tàng tỉnh Bắc Giang (1999), *Hiền tài là nguyên khí quốc gia*, Kỷ niệm lần thứ 500 năm mất Thân Nhân Trung (1449 - 1999), trang 146.

của Nho giáo từ Trung Hoa. Đây cũng là vùng đất mà Nho học phát triển mạnh nhất và đạt được những thành tựu to lớn nhất. Cũng chính ở đây, hệ thống di tích Nho học có số lượng khá lớn. Sau những biến thiên dữ dội của lịch sử dân tộc, hệ thống Văn miếu ở đồng bằng Bắc Bộ hiện chỉ còn lại 4 di tích với qui mô kiến trúc tương đối lớn ở Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương và Hưng Yên. Ngoài ra, một số địa phương trên cả nước cũng còn giữ lại được nhiều di tích Văn miếu với qui mô và tính chất khác nhau, như: Văn Thánh Huế, Khổng Tử miếu [Hội An, Quảng Nam], Khổng Tử miếu Tam Kỳ [Quảng Nam], Văn miếu Bình Định, Văn miếu Diên Khánh [Khánh Hòa], Văn miếu Trấn Biên [Đồng Nai], Văn Thánh miếu Vĩnh Long... và rất nhiều các văn chỉ, từ chỉ với qui mô và hiện trạng khác nhau ở các địa phương.

Trong những năm qua, việc nghiên cứu các di tích Nho học ở các địa phương cũng đã và đang được tiến hành dưới nhiều mức độ khác nhau. Từ đó rút ra những ý nghĩa, bài học cần thiết để khai thác giá trị của hệ thống di tích Nho học trong quá trình Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế tri thức hôm nay. Kế thừa những thành tựu to lớn của các nhà nghiên cứu trước đây, cuốn sách **"Hệ thống di tích Nho học Việt Nam và các văn miếu tiêu biểu ở Bắc Bộ"** sẽ hệ thống hóa tổng quan những vấn đề về Nho giáo và Nho học Việt Nam đồng thời giới thiệu khá chi tiết những di tích Văn miếu tiêu biểu ở Bắc Bộ. Cuốn sách cũng cung cấp một cách tiếp cận đa chiều thông qua việc "giải mã văn hóa" các vấn đề liên quan

đến hệ thống di tích Nho học. Điều đó giúp cho người đọc hiểu sâu hơn về các di sản văn hóa tri thức của cha ông ta để lại.

Hy vọng cuốn sách sẽ được các nhà nghiên cứu, các giảng viên và các bạn sinh viên ngành văn hóa, du lịch, lịch sử; các hướng dẫn viên du lịch... đón nhận và sử dụng hữu ích trong công tác và học tập của mình. Do kiến thức có hạn, cuốn sách chắc chắn còn một số thiếu sót, rất mong được các bậc cao minh chỉ giáo để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần tái bản sau.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 02 tháng 9 năm 2013

Tác giả

Chương 1

HỆ THỐNG DI TÍCH NHO HỌC VIỆT NAM

1. Nho giáo và Nho học

* *Nho giáo [儒教]*

- Theo *Đại từ điển tiếng Việt*: “Nho giáo - học thuyết do Khổng Tử đề xuất nhằm duy trì trật tự xã hội phong kiến”⁽¹⁾. Là một hình thái ý thức xã hội, một hệ tư tưởng lớn đóng vai trò quản lý, điều tiết xã hội ở nhiều quốc gia Á đông. Nho giáo là một triết thuyết chính trị và đạo lý Đông phương. Học thuyết này đóng vai trò quản lý, điều tiết xã hội chứ không chỉ dừng lại ở trào lưu tư tưởng. Không những thế, trong xã hội phong kiến, đó chính là đường lối, chính sách và đã biến thành biện pháp để giới cầm quyền quản lý và điều hành xã hội. Nó tồn tại trong xã hội phong kiến như là trật tự xã hội đồng thời trở thành những quan niệm mang tính chuẩn mực trong mọi mối quan hệ, ứng xử, hành xử, giao thoa... giữa những cá nhân và các tầng lớp người trong xã hội. Để làm tốt điều đó, vấn đề giáo dục, đào tạo con người, điều tiết, quản lý xã hội sẽ không chỉ nằm trong hệ thống giáo dục nói chung mà đã lan truyền, chi phối đến mọi mặt hoạt động của đời sống xã hội; trong toàn bộ các mối quan hệ giữa con người với xã hội mà mình đang sống. Ở Việt Nam dưới thời phong kiến, Nho giáo đã tạo ra một hệ thống giáo dục - đào tạo những người phục vụ đất nước, phục vụ bộ máy cầm

⁽¹⁾ Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1998): *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội; trang 1253.

quyền đương thời... Nói một cách khác, Nho giáo tạo ra Nho học; góp phần tạo ra kỷ cương xã hội.

Là một trong ba triết học cổ đại lớn của Trung Quốc, Nho giáo còn được gọi bằng những tên gọi khác nhau như Khổng giáo hoặc đạo Nho, đạo Khổng... Ngoài Nho giáo, hai triết học lớn khác là Lão giáo và Phật giáo hầu như xuất hiện đồng thời ở Trung Quốc để hình thành “Tam giáo”. Tên gọi Khổng giáo thực ra không đúng nhưng kể từ khi có sự giao thoa, trao đổi giữa phương Đông và phương Tây thì các nhà truyền giáo dòng Tên đã dịch tên Khổng Phu Tử, La tinh hóa thành Confucius và hệ tư tưởng của ông thành Confucianism. Trong khi đó, người phương Đông theo lòng tôn kính của mình đã gọi hệ tư tưởng mà mình tôn sùng theo tên gọi của người đứng đầu: Khổng giáo. Theo thời gian, tên gọi Khổng giáo đã trở thành một trong những tên gọi chính thức.

Theo quan niệm của các Nho gia, Nho [儒] là người đi học đạo của Thánh hiền, đã học và hiểu đạo lý của thánh hiền và để dạy bảo người ta ăn ở cho phải đạo luân thường. Nho gồm chữ nhân [亻] đứng với chữ nhu [需]. Nhân là người, nhu là cần thiết, cần dùng. Như vậy, Nho là một hạng người cần thiết phải dùng để giúp các vua trị vì đất nước; là hạng người bao giờ cũng cần dùng đến để giúp cho nhân quần, xã hội biết đường ăn ở và hành động cho hợp lẽ trời. Nho hay Nho thần là như vậy (I).

Nhu [需] còn có nghĩa là chờ đợi, tức là người học giỏi, đợi người ta cần đến sẽ đem tài trí của mình ra giúp việc đời⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Trần Trọng Kim (2001), *Nho giáo*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, trang 51.

Như vậy, từ những phân tích ở trên, có thể đưa ra định nghĩa về Nho giáo như sau: “Nho giáo [儒教] là ý thức hệ tư tưởng, hệ thống giáo lý, kinh điển, lễ nghi, phép tắc được các triều đại phong kiến phương Đông sử dụng trong quá trình cầm quyền để cai trị xã hội, xây dựng và quản lý đất nước đồng thời trở thành những chuẩn mực trong các mối quan hệ xã hội, được mọi người thừa nhận và tuân theo một cách tự nguyện hay cưỡng bức...”.

* Nho học [儒學]

Theo *Đại từ điển tiếng Việt*: “Nho học - nền học vấn theo nho giáo”⁽¹⁾. Như đã nói ở trên, Nho giáo tạo ra Nho học, tạo ra nền học vấn đào tạo những con người làm nên bộ máy cầm quyền cùng những thiết chế đi kèm với nó để duy trì trật tự xã hội phong kiến. Nho học [儒學] chính là nền tư tưởng, học vấn nhằm giáo dục con người ta theo Nho giáo. Chính vì mục đích quan trọng của Nho học như vậy mà trong các cuộc thi Đình do triều đình tổ chức để tuyển chọn nhân tài, các thư tịch đều được đóng ấn: “[勳才盛選]: *huân tài thịnh tuyển*”: kén chọn nhân tài. Việc kén chọn này là kén chọn để tìm ra những người có đủ điều kiện để bổ trí vào các vị trí khác nhau trong bộ máy quản lý của nhà nước phong kiến. “Mỗi khi có khoa thi Hương, các quan ở kinh ra chấm thi có cái biển: “[奉旨求賢]: *Phụng chỉ cầu hiền*” nghĩa là vâng chỉ mệnh của Vua ra tìm người giỏi cho

⁽¹⁾ Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1998): *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội; trang 1253.

đất nước”⁽¹⁾. Muốn có những người đáp ứng được các yêu cầu thì phải đào tạo, tuyển chọn họ theo mục đích, yêu cầu phù hợp với từng giai đoạn. Nho học (hay Khổng học) chính là phương tiện để đào tạo ra quan lại cung cấp cho bộ máy chính quyền phong kiến. Xét dưới góc độ đó, Nho học là cơ sở, nền tảng của xã hội phong kiến, là yếu tố căn bản giữ vai trò quyết định sự tồn tại và phát triển của các nhà nước phong kiến phương Đông trong đó có Việt Nam. Nói tới học vấn tức là nói tới tri thức, kiến thức, trình độ của con người. Muốn có được điều đó, con người phải được đào tạo thông qua những hệ thống và cách thức giáo dục khác nhau. Không chỉ đào tạo tri thức, học vấn, Nho học còn góp phần đào tạo nhân cách, đạo đức, tác phong cho các tầng lớp người khác nhau. “人不學不知理: *Nhân bất học, bất tri lý*” (II) - người không có học, không biết lý lẽ, phải trái... Chính bởi vậy, cha ông ta gọi chữ Hán, chữ Nho là chữ Thánh hiền! Trong suốt quá trình bang giao lịch sử Việt - Hoa, không có nhiều sự lựa chọn, Nho giáo, Nho học trở thành nhân tố cơ bản, nền tảng căn bản của xã hội phong kiến Việt Nam.

Điều đó giúp chúng ta có thể đưa ra định nghĩa về Nho học như sau: Nho học là nền giáo dục - đào tạo con người theo những chuẩn mực của đạo đức Nho giáo; là công cụ để đào tạo, tuyển chọn đội ngũ quan lại cung cấp cho bộ máy chính quyền các cấp của các nhà nước phong kiến phương Đông.

Trong hai khái niệm trên, Nho giáo mang tính tôn giáo với thánh đường là Văn miếu, Khổng miếu và các loại di tích khác với nhiều qui mô, cấp độ mang những tên gọi khác nhau; giáo

⁽¹⁾ Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Bộ Giáo dục, Trung tâm học liệu xuất bản, bản điện tử, trang 200.